

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 37/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 23/9/2019

Về tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tiên Nghiệm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trang Thị Cẩm Nhuận.

Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thạch Thị Minh Châu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 23 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 58/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2019, về “*Tranh chấp ly hôn*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2019/QĐST - HNGĐ, ngày 18 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Mỹ D, sinh năm 1998 (có mặt);

Địa chỉ: Khóm 2, Phường 9, thành phố TV, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Anh Giảng Văn Ph, sinh năm 1991 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp S, xã TH, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/12/2018, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ D trình bày:

Vào năm 2017, chị có xác lập quan hệ vợ chồng với anh Giảng Văn Ph do mai mối, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 9, thành phố TV. Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị không có con chung, tài sản chung và nợ chung.

Sau khi xác lập quan hệ vợ chồng được 02 tháng thì vợ chồng chị thường xuyên cãi vã, anh Ph bỏ nhà đi làm thuê không về, từ đó vợ chồng không còn sống chung với nhau cho đến nay.

Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Giảng Văn Ph. Về con chung, tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Đối với anh Giảng Văn Ph đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không rõ lý do và không nộp bản tự khai nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Giảng Văn Ph vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai không rõ lý do, nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Mỹ D và anh Giảng Văn Ph xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2017, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật; chị D có nộp bản sao có chứng thực giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân Phường 9, thành phố TV cấp, nên hôn nhân giữa chị D với anh Ph là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, anh chị sống được một thời gian ngắn, chưa có con chung, không có tài sản chung và nợ chung thì anh Ph đã bỏ nhà đi làm thuê không về chung sống vợ chồng với chị D từ năm 2017 cho đến nay.

Trong quá trình tham gia tố tụng, chị D quyết định ly hôn với anh Ph, do không có yêu thương vì hôn nhân do mai mối. Đối với anh Ph Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh vẫn vắng mặt không có lý do; anh không có ý kiến nộp cho Tòa án mà bỏ mặt, không quan tâm; thời gian sống chung của vợ chồng anh chị mới được 02 tháng, xuất phát từ mai mối nên không hạnh phúc, nếu tiếp tục duy trì thì mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị D, cho chị D được ly hôn với anh Ph.

[3] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị D khai không có không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Buộc chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 244 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51 và 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Mỹ D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị Mỹ D được ly hôn với anh Giảng Văn Ph.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị Mỹ D khai không có nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí:

Buộc chị Trần Thị Mỹ D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (phần án phí hôn nhân và gia đình); nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001224 ngày 07 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T; chị D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Giảng Văn Ph không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án để xin xét xử phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND P9, TP TV;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Tiên Nghiệm